TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2019/HS-ST
Ngày: 23-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Văn Phi**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Nguyễn Văn Hải**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Năng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 29/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 10/4/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Q P – Tên gọi khác: H, sinh năm 1983, tại TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp NL 2, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; vợ, con: Không; tiền án: Ngày 14/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2017; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/7/2015, Công an thị trấn T P, huyện Tân Phú xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp; Bị bắt tạm giam từ ngày 30/01/2019 cho đến nay; (có mặt)

- *Bị hại:* Ông Vũ Trần H T, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp NL 2, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ T Q P, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp NL 3, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Trần Việt Q, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp T L 2, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 12/01/2019, Nguyễn Q P điều khiển xe mô tô biển số 60P1 – 2764 đến nhà ông Vũ Trần H T thuộc ấp NL 2, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng không có người trông coi, P đã lén lút lấy 01 lồng chim và

01 con chim khướu màu đen của ông T, trong khi xách lồng chim và chim đi ra ngoài thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi phạm tội của P đã được cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện Tân Phú điều tra xác minh làm rõ.

Vật chứng trong vụ án là 01 (một) lồng chim, 01(một) con chim khướu màu đen, 01 thanh sắt dài 1,2m, 01 xe mô tô biển số 60P1 – 2764.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL.HĐĐGTS ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận: 01 một lồng chim bằng tre, trị giá 200.000đ và 01 con chim khướu, trị giá 2.000.000đ, tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 26/CT-VKSTP-ĐN ngày 28/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Q P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Q P từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về vật chứng: Đối với 01 thanh sắt dài 1,2m là tang vật trong vụ án cần tuyên tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng; Đối với xe mô tô biển số 60P1 – 2764, bị cáo khai mượn của gia đình bà Võ T Q P. Bà P khai mua của một người không rõ họ tên, địa chỉ hiện chưa làm rõ được nguồn gốc nên giao cho Cơ quan điều tra tạm giữ, khi nào điều tra xác minh rõ nguồn gốc sẽ xử lý sau.

Đối với Trịnh M K là người trực tiếp cho P mượn xe mô tô biển số 60P1 – 2764 nhưng không biết P sử dụng vào mục đích phạm nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được cơ quan Điều tra công an huyện Tân Phú trao trả lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời khai của bị cáo Nguyễn Q P trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của người bị hại ông Vũ Trần H T và của người làm chứng anh Trần V Q thống nhất trình bày: Khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 12/01/2019, ông T và anh Q đi mua cám về nhà ông T cho chim ăn thì thấy một người đang cầm lồng chim khướu của ông T đi ra nên đã bắt giữ người này giao cho công an. Hiện tài sản trộm cắp đã nhận lại nên ông T xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ T Q P trình bày: Xe mô tô biển số 60P1 – 2764 mà bị cáo sử dụng làm P tiện trộm cắp là do bà P mua của một người không rõ họ tên, địa chỉ hiện và được sử dụng chung trong gia đình. Xe do con trai bà là anh Trịnh M K cho P mượn để đi chợ và không biết P sử dụng vào mục đích trộm cắp. Nay bà yêu cầu được nhận lại xe mô tô nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội:

Bị cáo Nguyễn Q P thừa nhận: Vào khoảng 14 giờ ngày 12/01/2019, tại nhà ông Vũ Trần H T thuộc ấp NL 2, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng không có người trông coi, bị cáo đã lén lút lấy 01 lồng chim và 01 con chim khướu màu đen của ông T, trị giá 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi do bị cáo thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ trực tiếp xâm phạm tài sản của ông T được pháp luật bảo vệ, mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó phải xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Cần tuyên mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[2.3]. Xét tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo là người bị kết án phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 bộ luật Hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp nhưng không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức án phù hợp đối với bị cáo, nhằm nâng cao tính giáo dục và thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa xét xử công khai vụ án nhằm xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Đối với một cây sắt dài 1,2m là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với xe mô tô biển số 60P1 – 2764 hiện chưa làm rõ được nguồn gốc nên giao cho Cơ quan điều tra tạm giữ, khi nào điều tra xác minh rõ sẽ xử lý sau.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét;

[5]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với Trịnh M K là người trực tiếp cho bị cáo P mượn xe mô tô biển số 60P1 – 2764 nhưng không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm nên không xử lý.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Q P phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Nguyễn Q P 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy một thanh sắt dài 1,2m là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú ngày 08/4/2019).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

Hà Văn Phi